

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

*

Số: 614-HD/HVCTQG

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính

Thực hiện Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính; Quyết định số 3136/QĐ-HVCTQG ngày 14 tháng 7 năm 2016 và Quyết định số 8008-QĐ/HVCTQG ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính như sau:

1. Mục tiêu của chương trình

- Trang bị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở và một số đối tượng khác những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý luận chính trị - hành chính; củng cố, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

- Cập nhật những kiến thức mới về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cùng những nội dung quan trọng khác đáp ứng mục tiêu đào tạo cơ bản, thiết thực, gắn với thực tiễn.

+ Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; một số nội dung của khoa học hành chính và kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

+ Về kỹ năng:

Học viên biết vận dụng kiến thức lý luận Mác - Lênin, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn công tác của mình; một số kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ về công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận

Tổ quốc và đoàn thể nhân dân nhằm nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, tổ chức quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

+ Về thái độ:

Góp phần củng cố niềm tin của học viên vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

2. Lịch trình cụ thể cho từng phần học, bài học, đơn vị phụ trách

- Thời gian toàn khóa: 1056 tiết.

- Đối với lớp hệ tập trung: Học liên tục 06 tháng x 22 ngày/tháng x 8 tiết/ngày.

- Đối với lớp hệ không tập trung: Tùy theo phương thức đào tạo, thời gian thực tế theo khóa học, đảm bảo đủ số ngày, số tiết quy định.

| TT | Phần | Số bài | Thời gian toàn khóa | | | |
|-------------|--|-----------|---------------------|---------------------------------|------------|-------------------------------|
| | | | Tổng số tiết | Số tiết trên lớp | | Số tiết tự học, tự nghiên cứu |
| | | | | Học lý thuyết, đánh giá kết quả | Thảo luận | |
| 1 | I. Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh | 12 | 219 | 123 | 44 | 52 |
| 2 | II. Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 09 | 108 | 51 | 20 | 37 |
| 3 | III. Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước, pháp luật và quản lý hành chính nhà nước | 18 | 222 | 110 | 36 | 76 |
| 4 | IV. Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội | 14 | 136 | 84 | 20 | 32 |
| 5 | V. Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân | 24 | 233 | 109 | 40 | 84 |
| 6 | VI. Tình hình, nhiệm vụ của địa phương (hoặc ngành) | 03 | 42 | 31 | 08 | 03 |
| 7 | VII. Nghiên cứu thực tế cuối khóa, ôn thi tốt nghiệp, thi tốt nghiệp hoặc viết tiểu luận cuối khóa | 0 | 96 | 68 | 0 | 28 |
| Cộng | | 80 | 1056 | 576 | 168 | 312 |

Trên cơ sở Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phân chia thời gian các phần học của chương trình, nội dung của quá trình đào tạo cho các đơn vị phụ trách giảng dạy và đánh giá kết quả như sau:

| TT | Tên bài học | Số tiết trên lớp | | Số tiết tự học, tự nghiên cứu | Số tiết thi | Đơn vị phụ trách giảng dạy, đánh giá kết quả (thi) |
|------------|--|------------------|-----------|-------------------------------|-------------|--|
| | | Giảng lý thuyết | Thảo luận | | | |
| I | Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (12 bài, 219 tiết) | | | | | |
| I.1 | Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | 92 | 32 | 32 | 4 | Khoa Lý luận cơ sở |
| 1 | Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng | 20 | 6 | 6 | | |
| 2 | Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử | 20 | 6 | 4 | | |
| 3 | Những vấn đề cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa | 20 | 8 | 6 | | |
| 4 | Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 12 | 4 | 4 | | |
| 5 | Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân | 4 | 2 | 4 | | |
| 6 | Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội | 12 | 4 | 4 | | |
| 7 | Liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 4 | 2 | 4 | | |
| I.2 | Những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh | 24 | 12 | 20 | 3 | Khoa Lý luận cơ sở |
| 8 | Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | 4 | 6 | 4 | | |
| 9 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội | 4 | | 4 | | |
| 10 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết | 4 | 6 | 4 | | |
| 11 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân | 4 | | 4 | | |
| 12 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ | 8 | | 4 | | |

| II | Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (09 bài, 108 tiết) | | | | | |
|--------------|---|-----------|-----------|-----------|---|--|
| II.1 | Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản | 16 | 8 | 14 | | |
| 1 | Học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản | 8 | 4 | 6 | | |
| 2 | Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Đảng Cộng sản | 4 | | 4 | | |
| 3 | Đảng Cộng sản cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền | 4 | 4 | 4 | | |
| II.2 | Những vấn đề cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 32 | 12 | 23 | | |
| 4 | Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | 4 | | 4 | 3 Khoa Xây dựng Đảng | |
| 5 | Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) | 4 | 6 | 4 | | |
| 6 | Đảng lãnh đạo đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945 - 1975) | 8 | | 4 | | |
| 7 | Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) | 4 | | 4 | | |
| 8 | Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) | 4 | 6 | 3 | | |
| 9 | Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986 đến nay) | 8 | | 4 | | |
| III | Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước, pháp luật và quản lý hành chính nhà nước (18 bài, 222 tiết) | | | | | |
| III.1 | Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa | 52 | 20 | 32 | | |
| 1 | Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay | 8 | 4 | 4 | | |

| | | | | | | |
|--------------|--|-----------|-----------|-----------|---|-----------------------------------|
| 2 | Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân | 4 | 4 | 4 | 3 | Khoa Nhà nước và Pháp luật |
| 3 | Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân | 4 | | 4 | | |
| 4 | Pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 4 | 8 | 4 | | |
| 5 | Nội dung cơ bản một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, pháp luật Kinh tế, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai) | 24 | | 8 | | |
| 6 | Pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 7 | Thực hiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa | 4 | 4 | 4 | | |
| III.2 | <i>Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước</i> | 52 | 16 | 44 | | |
| 8 | Lý luận về quản lý hành chính nhà nước | 4 | 4 | 4 | | |
| 9 | Quản lý cán bộ, công chức ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 10 | Quản lý ngân sách địa phương | 4 | | 4 | | |
| 11 | Quản lý đất đai, địa giới hành chính và xây dựng ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 12 | Quản lý hoạt động kinh tế ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 13 | Quản lý hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ở cơ sở | 8 | | 4 | | |
| 14 | Quản lý hành chính - tư pháp ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 15 | Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở | 8 | | 4 | | |
| 16 | Kiểm tra, xử phạt và cưỡng chế hành chính ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 17 | Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 18 | Một số vấn đề về cải cách hành chính ở cơ sở | 4 | | 4 | | |

| Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội (14 bài, 136 tiết) | | | | | | |
|---|---|-----------|-----------|-----------|---|-----------------------------------|
| IV | Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội | 80 | 20 | 32 | | |
| 1 | Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 8 | | 3 | | |
| 2 | Mô hình tăng trưởng và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam | 8 | 6 | 3 | | |
| 3 | Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam | 8 | | 3 | | |
| 4 | Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc | 4 | | 2 | | |
| 5 | Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách xã hội | 4 | | 2 | | |
| 6 | Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ | 8 | 6 | 3 | 4 | Khoa Xây dựng Đảng |
| 7 | Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc, tôn giáo | 8 | | 3 | | |
| 8 | Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về thực hiện quyền con người | 4 | | 2 | | |
| 9 | Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phòng, chống tham nhũng, lãng phí | 4 | 2 | 2 | | |
| 10 | Những vấn đề cơ bản về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay | 8 | | 3 | | |
| 11 | Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh | 4 | 6 | 2 | | |
| 12 | Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay | 4 | | 2 | | |

| | | | | | | |
|------------|---|-----------|-----------|-----------|---|-----------------------------------|
| 13 | Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | 4 | | 2 | | |
| 14 | Báo cáo chuyên đề Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác thi đua - khen thưởng | 4 | | 0 | | |
| V | Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân (24 bài, 233 tiết) | | | | | |
| V.1 | Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 40 | 12 | 36 | | |
| 1 | Hoạt động lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 4 | | 4 | 3 | Khoa Nhà nước và Pháp luật |
| 2 | Phong cách lãnh đạo của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 3 | Kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 4 | Kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 5 | Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 6 | Kỹ năng xử lý tình huống chính trị - xã hội ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 7 | Kỹ năng đánh giá và sử dụng cán bộ ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 8 | Kỹ năng điều hành công sở ở cơ sở | 4 | 4 | 4 | | |
| 9 | Kỹ năng soạn thảo văn bản | 8 | | 4 | | |
| V.2 | Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở | 36 | 16 | 36 | | |
| 10 | Tổ chức cơ sở đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng | 4 | 4 | 4 | 3 | Khoa Xây dựng Đảng |
| 11 | Công tác đảng viên của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác đảng viên | 4 | | 4 | | |

| | | | | | | |
|------------|---|-----------|-----------|-----------|--|--|
| 12 | Công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác cán bộ | 4 | 4 | 4 | | |
| 13 | Tổ chức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ và đại hội đảng bộ, chi bộ ở cơ sở | 4 | | 4 | | |
| 14 | Công tác tư tưởng của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác tư tưởng | 4 | 4 | 4 | | |
| 15 | Công tác dân vận của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác dân vận | 4 | | 4 | | |
| 16 | Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát | 4 | 4 | 4 | | |
| 17 | Công tác của cấp ủy đảng cơ sở và của người bí thư | 4 | | 4 | | |
| 18 | Công tác văn phòng cấp ủy cơ sở và nghiệp vụ công tác văn phòng cấp ủy | 4 | | 4 | | |
| V.3 | <i>Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở</i> | 24 | 12 | 12 | | |
| 19 | Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và vận động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở | 4 | 4 | 2 | | |
| 20 | Nghiệp vụ công tác Công đoàn và vận động công nhân ở cơ sở | 4 | | 2 | | |
| 21 | Nghiệp vụ công tác Hội Nông dân và vận động nông dân ở cơ sở | 4 | 4 | 2 | | |
| 22 | Nghiệp vụ công tác Đoàn Thanh niên và vận động thanh niên ở cơ sở | 4 | | 2 | | |
| 23 | Nghiệp vụ công tác Hội Phụ nữ và vận động phụ nữ ở cơ sở | 4 | 4 | 2 | | |
| 24 | Nghiệp vụ công tác Hội Cựu chiến binh và vận động cựu chiến binh ở cơ sở | 4 | | 2 | | |

| Tình hình nhiệm vụ của địa phương (hoặc ngành) (03 bài, 42 tiết) | | | | | | |
|---|--|-----------|----------|----------|---|---------------------------|
| VI | Tình hình nhiệm vụ của địa phương (hoặc ngành) | 28 | 8 | 3 | | |
| 1 | Lịch sử Đảng bộ địa phương (hoặc ngành) | 8 | | 1 | 3 | Khoa Lý luận cơ sở |
| 2 | Nhiệm vụ cơ bản và những giải pháp chủ yếu phát triển các lĩnh vực đời sống xã hội của địa phương (hoặc ngành) | 8 | 8 | 1 | | |
| 3 | Một số báo cáo chuyên đề về địa phương (hoặc ngành) | 12 | | 1 | | |
| VII | Nghiên cứu thực tế cuối khóa, ôn thi tốt nghiệp, thi tốt nghiệp hoặc viết tiểu luận cuối khóa (96 tiết) | | | | | |
| 1 | Nghiên cứu thực tế địa phương (hoặc ngành) và viết thu hoạch | 40 | | 14 | | Ban Giám hiệu |
| 2 | Ôn thi tốt nghiệp, thi tốt nghiệp hoặc viết tiểu luận cuối khóa (khóa luận tốt nghiệp) | 28 | | 14 | | |

Ban giám hiệu các trường dựa vào quy định trên để phân công các khoa giảng dạy, đánh giá kết quả các phần học. Tùy tình hình thực tiễn đội ngũ giảng viên của trường, Ban giám hiệu có thể giữ nguyên hoặc điều chỉnh quy định trên đây cho phù hợp, cân đối hợp lý số giờ chuẩn của giảng viên, số lần thi do khoa phụ trách.

Trường hợp khoa phụ trách không đảm nhận được toàn bộ các bài giảng thuộc phần học phụ trách thì Ban giám hiệu bố trí giảng viên của khoa khác hoặc giảng viên thỉnh giảng.

3. Quy trình, phương pháp đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện đối với học viên

3.1. Quy trình đào tạo

- Giảng lý thuyết:

+ Giảng viên lên lớp giảng lý thuyết về các nội dung theo giáo trình của chương trình đào tạo, gắn lý thuyết với thực hành, gắn học tập với rèn luyện tư cách đạo đức của người cán bộ.

+ Các bài và chuyên đề báo cáo về địa phương (hoặc ngành) thuộc phần VI của chương trình do các trường căn cứ vào đối tượng đào tạo để biên soạn tài liệu (do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thẩm định).

- Thảo luận:

+ Khoa phụ trách giảng dạy hướng dẫn cho học viên thảo luận về các vấn đề theo chương trình, giáo trình. Vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương (hoặc ngành).

+ Tăng cường thảo luận, liên hệ, làm bài tập thực hành về kỹ năng, nghiệp vụ công tác, vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

- Tự học, tự nghiên cứu: Trên cơ sở số giờ tự học, tự nghiên cứu, Ban Giám hiệu quy định cụ thể cách thức tự học, tự nghiên cứu đối với học viên các hệ đào tạo của trường (tập trung, không tập trung) cho phù hợp với thực tiễn của trường và địa phương.

- Đi thực tế: Nhà trường tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế (trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh) giúp học viên nắm bắt, phân tích, đánh giá, tổng hợp tình hình và giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cơ sở gắn với nhiệm vụ công tác.

- Ôn thi, thi tốt nghiệp hoặc viết tiểu luận cuối khóa (khóa luận tốt nghiệp): Theo quy chế quản lý đào tạo.

- Tổng kết khóa học.

3.2. Phương pháp đào tạo

Áp dụng phương pháp dạy, học tích cực để phát huy vai trò chủ đạo của giảng viên, tính chủ động, sáng tạo của học viên trong học tập, nghiên cứu và vận dụng kinh nghiệm của học viên vào việc phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề. Chú trọng sự tương tác trong quá trình học tập, nghiên cứu, rèn luyện của giảng viên và học viên.

3.3. Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kể cả giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng).

- Giảng viên cần thường xuyên nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu, cập nhật thông tin để phù hợp với sự đổi mới chương trình, giáo trình, phương thức và quy trình đào tạo theo hướng: cơ bản, thiết thực, gắn với thực tiễn, cập nhật, phù hợp với đối tượng.

3.4. Điều kiện đối với học viên

- Thực hiện đầy đủ chương trình, nội dung, kế hoạch học tập của từng phần học theo quy chế về quản lý đào tạo.

- Có kế hoạch học tập cá nhân, thực hiện đầy đủ các khâu như: nghe giảng, thảo luận, nghiên cứu, đi thực tế, thi, viết tiểu luận cuối khóa (khóa luận tốt nghiệp), v.v..

- Có ý thức rèn luyện phấn đấu trong học tập, tu dưỡng đạo đức, phong cách của người lãnh đạo, quản lý; có tinh thần tự giác trong học tập và sinh hoạt, thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường; có lối sống trung thực, giản dị và khiêm tốn.

3.5. Điều kiện về cơ sở vật chất

- Hệ thống giảng đường, hội trường, thiết bị kỹ thuật, văn phòng phẩm, v.v..
- Thư viện, tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ giảng dạy và học tập.

4. Thời gian áp dụng thực hiện

Hướng dẫn này áp dụng từ quý I năm 2019 và thay thế Hướng dẫn số 134/HD-HVCTQG ngày 21 tháng 7 năm 2016 về việc thực hiện Chương trình, giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các trường tập hợp và thông tin về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Các trường chính trị) để Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (để chỉ đạo),
- Các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (để thực hiện),
- Lưu: VT, Vụ CTCT.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thắng